

Bản án số: 376/2020/HCPT

Ngày: 22/10/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 255/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7510/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

*** Người khởi kiện:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: xóm B, D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. NBV1; Vắng mặt.

2. NBV2; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: số C đường T, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trần S – Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng S – Phó chủ tịch UBND huyện có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; địa chỉ: số D đường T, phường Q, thành

phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ – Chủ tịch UBND tỉnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V – Phó chủ tịch UBND tỉnh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Hà Nam: NBV3, có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn M, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Tổng Công ty V.

Địa chỉ: Tòa nhà V, số M Đại lộ T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S – Quyền giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị V, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: xóm B D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

5. Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1994; địa chỉ: xóm B D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thuyên: Bà Dương Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: xóm B D, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện; bản tự khai của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Hộ gia đình chị Đỗ Thị T có thửa đất số 77(16) diện tích 252m², thửa 20(4) diện tích 503m² thuộc tờ bản đồ số 5 tại xã Đ được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U080844 ngày 27/12/2001.

Ngày 05/8/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Văn bản số 1387/TTg-KTN đồng ý chủ trương đầu tư dự án xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp (KCN) Đ IV, huyện K, tỉnh Hà Nam. Chủ đầu tư là Tổng Công ty V với diện tích là 300ha tại các xã Đ, N, T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 05/8/2016, UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng KCN Đ IV huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 19/8/2016, UBND tỉnh Hà Nam ban hành Văn bản số 1887/UBND-NN&TNMT và Văn bản số 2409/UBND-NN&TNMT ngày 12/10/2016 đồng ý chủ trương thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đ IV. Thực hiện các văn bản trên, UBND huyện K đã ban hành Thông báo số 240/TB-UBND ngày 11/8/2017 thông báo thu hồi đất

thực hiện giải phóng mặt bằng phục vụ dự án. Ngày 18/8/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Đ và các đơn vị có liên quan tổ chức họp dân công khai Thông báo thu hồi đất số 240 và các văn bản có liên quan đến thu hồi, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản trên tại trụ sở UBND xã Đ và nhà văn hóa thôn (xóm) có hộ dân bị ảnh hưởng, trong những hộ bị thu hồi đất có hộ gia đình chị Đỗ Thị T bị thu hồi thửa đất số 77(16) diện tích 252m² thuộc tờ bản đồ số 5 tại xã Đ. Nhưng hộ chị không nhất trí kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản - vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất bị thu hồi vì mức giá bồi thường là thấp. Sau khi đã được tuyên truyền vận động nhưng hộ chị T không ký biên bản kiểm kê nên Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất đai và tổ chức trao quyết định đối với hộ chị T. Nhưng do chị T không nhận quyết định nên được niêm yết vào ngày 13/3/2018. Sau đó Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc. Ngày 26/4/2018, Ban cưỡng chế tiến hành cưỡng chế lập biên bản kiểm kê đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m² thuộc tờ bản đồ số 5 tại xã Đ của hộ chị T. Ngày 04/10/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 7529/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 77(16) diện tích 252m² của hộ chị T và Quyết định số 7531 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Theo đó hộ chị T được bồi thường về đất là 12.600.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống 3.780.000 đồng và hỗ trợ đào tạo nghề 25.200.000 đồng, tổng số tiền là 41.580.000 đồng. Tuy nhiên hộ chị T không nhất trí thu hồi đất nên không nhận quyết định và không nhận tiền bồi thường. Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 9235/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 cưỡng chế thu hồi đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m² của hộ chị T, tổ chức giao quyết định, niêm yết công khai, tuyên truyền vận động đối với hộ chị T. Ngày 11/01/2019, Ban cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thu hồi diện tích 252m² đất của hộ chị T.

Tại đơn khởi kiện chị Đỗ Thị T trình bày: Không nhất trí quyết định thu hồi đất của UBND huyện K với các lý do: Quyết định số 1387/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 1887/UBND- NN&TNMT và Văn bản số 2409/UBND-NN&TNMT của UBND tỉnh Hà Nam chỉ đồng ý về chủ trương, chưa có quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ nên chưa đủ căn cứ pháp lý để UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất hộ chị T. Mục đích thu hồi đất không đúng quy định của Luật đất đai 2013. Người bị thu hồi chưa nhận được bất cứ văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng UBND huyện K vẫn tổ chức cưỡng chế là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất. Mức giá bồi thường, hỗ trợ là thấp so với quy định. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện K giao quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ (chính thức) cho gia đình chị. Đề nghị hủy quyết định thu hồi đất của UBND huyện K, quyết định cưỡng chế thu hồi thửa đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ; Buộc UBND huyện K khôi phục lại nguyên trạng

ban đầu thửa đất của gia đình chị. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng thì phải thương lượng với gia đình theo giá thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T bổ sung yêu cầu khởi kiện: Hiện nay gia đình chị không được cấy lúa tại thửa đất số 20(4) diện tích 503m², chính quyền địa phương đã yêu cầu gia đình chị nhận tiền đền bù nhưng không giao quyết định thu hồi đất và bất cứ văn bản gì. Đề nghị Tòa án làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía người bị kiện có quan điểm: Thực hiện chủ trương thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản của tỉnh Hà Nam đồng ý về chủ trương thực hiện công tác hồi đất, giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đ IV; UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tiến hành công tác giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án trong đó có hộ chị Đỗ Thị T. Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự quy định pháp luật. Do hộ chị T không nhất trí nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nên UBND huyện K phải tổ chức cưỡng chế, việc thực hiện cưỡng chế đảm bảo công khai, đúng trình tự. Nay chị T khởi kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan đến thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án khu công nghiệp Đ IV của UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh Hà Nam; UBND xã Đ và Tổng công ty V đều có quan điểm: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đ IV đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Việc thu hồi đất được thực hiện theo các trình tự, thủ tục xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ chị T đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện trình tự, thủ tục xử lý và tổ chức thực hiện cưỡng chế quyết định thu hồi đất đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng trình tự quy định. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T1 và chị T2 đều nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để tạo điều kiện cho các bên đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 62; Điều 66; 67; 68; 69; 70 và 71 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Buộc UBND huyện K, tỉnh Hà Nam giao các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m² thu hồi của gia đình chị Đỗ Thị T; toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T đối với thửa đất số 196(52) tờ bản đồ số 6 diện tích 256m² và thửa đất số 20(4) diện tích 503m² tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T đề nghị hủy: Quyết định số 7529/QĐ-UBND về thu hồi đất, Quyết định số 7531/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cùng ngày ngày 04/10/2018 của UBND huyện K; Quyết định số 9235/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện K về việc cưỡng chế thu hồi đất; Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số BT 34/TTPTQĐ đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m² tờ bản đồ số 5. Buộc UBND huyện K khôi phục lại nguyên trạng ban đầu thửa đất cho gia đình chị. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2019, chị Đỗ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Đỗ Thị T do bà Dương Thị T1 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. NBV2 vẫn cho rằng: Dự án chưa có quyết định phê duyệt của Thủ tướng chính phủ. Theo quyết định của UBND tỉnh, dự án chỉ có 300 ha nhưng theo quảng cáo của Tổng công ty V trên công thông tin điện tử thì dự án có quy mô 600ha và diện tích đất thu hồi của chị T thuộc giai đoạn 2. Mức bồi thường hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi như gia đình chị T chưa thỏa đáng. Chủ đầu tư thực hiện dự án là Tổng công ty V là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nên việc thu hồi đất phải thỏa thuận với người có đất bị thu hồi. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và cho rằng: Việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã thể hiện

quan điểm ở các đơn xin vắng mặt trong các phiên tòa trước đó. Đơn kháng cáo của chị T làm trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính 2015, bác kháng cáo của chị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của bà T1 và NBV2, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: chị T có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ và được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của UBND xã Đ; đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Hà Nam, UBND huyện K và Tổng Công ty V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã thể hiện quan điểm tại các đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa triệu tập lần trước. Căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 16/10/2018, chị Đỗ Thị T làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc UBND huyện K giao các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường hỗ trợ (Chính thức) cho gia đình chị. Yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ nêu trên đối với thửa đất số 77(16) tờ bản đồ số 5 diện tích 252m²; thửa đất số 196(52) tờ bản đồ số 6 diện tích 256m² và thửa số 20(4) diện tích 503m² đều là loại đất trồng lúa tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đồng thời, yêu cầu buộc UBND huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của các thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà theo giá thỏa thuận. Đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý đất đai thuộc đối tượng khởi kiện và trong thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính.

[3]. Về nội dung khởi kiện: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T là người khởi kiện và NBV2 xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định chính thức về việc kiểm đếm bắt buộc hiện trạng đất đai; Quyết định về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; Quyết định thu hồi đất số 7529/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 và số 8903/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện K; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1736/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện K; Quyết định

phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 7531/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND huyện K và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 12/TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với thửa đất số 76(16) diện tích 252m² và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với thửa đất số 196(52) tờ bản đồ số 6 diện tích 256m²; thửa số 20(4) diện tích 503m². Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa nhất trí nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 173 của Luật tố tụng hành chính; Đình chỉ yêu cầu này của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị T về việc hủy các Quyết định và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ của UBND và Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hà Nam đối với thửa đất số 77(16) tờ bản đồ số 5 diện tích 252m² loại đất trồng lúa tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam thì thấy:

[4.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hà Nam ban hành các Quyết định về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất đai; Quyết định về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm kê bắt buộc; Quyết định về việc thu hồi đất; Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất là đúng thẩm quyền, được quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật đất đai năm 2013 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 1387/TTg-KTN ngày 05/8/2016, là đúng pháp luật.

[4.2]. Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Căn cứ vào Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đ IV huyện K, tỉnh Hà Nam, trên cơ sở dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 2409/UBND-NN&TNMT ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc giao cho UBND huyện K thực hiện thu hồi đất, GPMB theo quy hoạch phục vụ dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đ IV (đợt 2).

Ngày 18/8/2017, các Phòng ban của huyện K và Chính quyền địa phương đã tiến hành họp dân công khai các chủ trương, chính sách, các quy định liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và kế hoạch triển khai công tác GPMB đối với các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Khu công nghiệp Đ IV (thuộc giai đoạn 2) tại xã Đ. Ngày 04/10/2018, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 7529/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ chị Đỗ Thị T. Theo đó, thu hồi của hộ chị Đỗ Thị T 252,0m² đất tại thửa số 77(16) thuộc tờ bản đồ số 5 (Bản đồ của xã Đ năm 2002). Cùng ngày 04/10/2018, UBND huyện K ban hành Quyết định số 7531/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng Khu công nghiệp Đ IV (giai đoạn 2, đợt 11) tại xã Đ, huyện K. Theo đó chị T được bồi thường đất là

12.600.000 đồng, hỗ trợ ổn định đời sống 3.780.000 đồng và hỗ trợ đào tạo nghề 25.200.000 đồng, tổng số tiền là 41.580.000 đồng. Tuy nhiên hộ chị T không nhất trí thu hồi đất nên không nhận quyết định và không nhận tiền bồi thường. Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 9235/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 cưỡng chế thu hồi đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m² của hộ chị T, tổ chức giao quyết định, niêm yết công khai, tuyên truyền vận động đối với hộ chị T. Ngày 11/01/2019, Ban cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thu hồi diện tích 252m² đất của hộ chị T. Như vậy, UBND huyện K đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục, trình tự thu hồi đất theo quy định tại các điều 67, 68, 69, 70 và 71 của Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Hà Nam quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc hủy các Quyết định và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Hà Nam khi thu hồi đất của gia đình chị là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T do bà T1 đại diện và NBV2 không xuất trình tài liệu mới cần được xem xét nên kháng cáo của chị T không có căn cứ chấp nhận. Theo đó, yêu cầu của chị T về việc buộc UBND huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của thửa đất để trả lại gia đình chị không được cấp sơ thẩm chấp nhận phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Đối với yêu cầu của chị T về việc Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình chị theo giá thỏa thuận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đ IV thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 của Luật đất đai năm 2013, nên chị T yêu cầu Tổng Công ty V phải thỏa thuận giá là không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu kháng cáo của chị T và quan điểm của NBV2 không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của chị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận, nên chị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không

bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của chị Đỗ Thị T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, cụ thể:

1.1 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T về việc buộc UBND huyện K, tỉnh Hà Nam giao các quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 76(16) diện tích 252m² đã thu hồi của gia đình chị Đỗ Thị T và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với các thửa đất số 196(52) diện tích 256m² và thửa số 20(4) diện tích 503m² tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

1.2. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T đề nghị: Hủy Quyết định số 7529/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 7531/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cùng ngày 04/10/2018 của UBND huyện K; Quyết định số 9235/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện K về việc cưỡng chế thu hồi đất; Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số BT 12/TTPTQĐ đối với thửa đất số 77(16) diện tích 252m², tờ bản đồ số 5; Buộc UBND huyện K khôi phục lại nguyên trạng ban đầu thửa đất của gia đình chị; yêu cầu Tổng Công ty V phải thương lượng với gia đình bà theo giá thỏa thuận.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004091 ngày 20/11/2019 của cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Sơn